

Số: 2779/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh
Yên Bái, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-BTTTT ngày 09/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Yên Bái, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nội dung cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, phiên bản 2.0.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, LĐ HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Hạnh Phúc

KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ YÊN BÁI
PHIÊN BẢN 3.0, HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **279/QĐ-UBND** ngày **31/12/2024**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC CQĐT YÊN BÁI PHIÊN BẢN 3.0, HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Nhằm xây dựng Chính quyền số tỉnh Yên Bái đến năm 2030 đảm bảo đồng bộ, hiệu quả; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tài nguyên công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước với các tổ chức trong và ngoài tỉnh hướng tới phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp Chính quyền trong tỉnh theo hướng hiệu quả, tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân lực phục vụ tốt và làm hài lòng người dân và doanh nghiệp.

2. Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử Yên Bái phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số (sau đây gọi là Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0) nhằm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ; Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Quyết định số 1729/QĐ-BTTTT ngày 09/10/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Tăng cường khả năng giám sát, hiệu quả đầu tư, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số.

II. MỤC TIÊU KIẾN TRÚC CQĐT YÊN BÁI PHIÊN BẢN 3.0

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển hạ tầng số và đảm bảo an toàn thông tin (05 mục tiêu) gồm:

(1) 85% trở lên hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang.

(2) 100% thôn, bản, tổ dân phố có điện lưới được phủ sóng di động 4G.

(3) 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin.

(4) 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

(5) 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện được kết nối và giám sát bởi Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng tỉnh.

b) Xây dựng Chính quyền số (05 mục tiêu) gồm:

(1) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên.

(2) 80% các cơ quan đơn vị sử dụng bàn làm việc số để thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành.

(3) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật).

(4) 100% các tổ chức đảng, 95% đảng viên trở lên (trừ đảng viên không sử dụng điện thoại thông minh, đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt, đảng viên trong lực lượng công an) cài đặt, sử dụng ứng dụng nền tảng “Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái”.

(5) Xây dựng được Kho Dữ liệu tổng hợp cho tỉnh Yên Bái với ít nhất có 6 CSDL dùng chung của tỉnh như: (1) CSDL người dùng; (2) Dữ liệu Văn bản; (3) Dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính; (4) Dữ liệu cán bộ, công chức; (5) CSDL doanh nghiệp; (6) CSDL bản đồ.

c) Phát triển kinh tế số (08 mục tiêu) gồm:

(1) Kinh tế số chiếm 20,05% GRDP của tỉnh.

(2) Năng suất lao động tăng bình quân từ 6,51%/năm.

(3) Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 15%.

(4) Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 15%.

(5) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 85%.

(6) Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%.

(7) Tỷ lệ nhân lực kinh tế số trong lực lượng lao động đạt 2%.

(8) 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản chủ lực của tỉnh có đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử và có phát sinh giao dịch.

d) Phát triển xã hội số đến năm 2025 (06 mục tiêu) gồm:

(1) 30% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

(2) 70% trở lên người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

(3) 90% trở lên cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức cơ bản (mức độ 2) Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trường học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(4) 85% trở lên công dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

(5) 90% trở lên người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

(6) Trên 95% người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh được cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số Yên Bái - S.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển hạ tầng số (04 mục tiêu)

(1) 100% hệ thống thông tin được đánh giá an toàn thông tin theo quy định.

(2) 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã được kết nối và giám sát bởi Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Yên Bái.

(3) 100% hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cáp quang.

(4) 100% xã, phường, thị trấn có mạng di động 5G.

b) Phát triển Chính quyền số (07 mục tiêu) gồm:

(1) 100% Thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công toàn trình.

(2) 100% các giao dịch trên Cổng Dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã được xác thực điện tử.

(3) Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công toàn trình đạt ít nhất 80%.

(4) 100% tài liệu lưu trữ lịch sử, hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

(5) 100% các cơ quan đơn vị sử dụng Bàn làm việc số để thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành.

(6) 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

(7) 100% Thông tin dữ liệu mở được các cơ quan nhà cung cấp trên cổng dữ liệu mở của tỉnh.

c) Phát triển kinh tế số (04 mục tiêu) gồm:

(1) Kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP.

(2) Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 6,8%.

(3) Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.

(4) Tỷ trọng TMDT trong tổng mức bán lẻ đạt 20%.

d) Phát triển xã hội số (07 mục tiêu) gồm:

(1) 100% người dân sử dụng chữ ký số cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

(2) Trên 90% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

(3) 100% cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2) Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số.

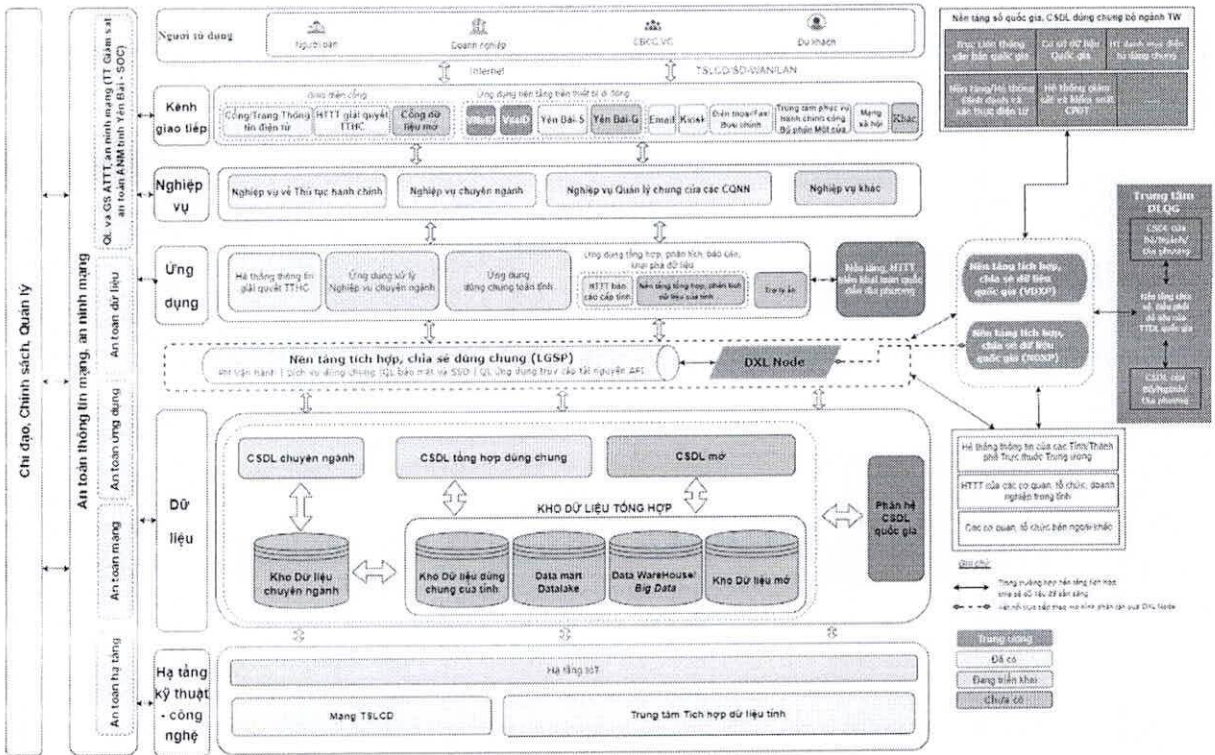
(4) Trên 90% công dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

(5) 100% người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

(6) 100% thông tin các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội được số hóa, cập nhật, quản lý, khai thác trên hệ thống CSDL chuyên ngành lao động, thương binh và xã hội.

(7) 100% người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh được cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số Yên Bái - S.

III. SƠ ĐỒ TỔNG THỂ KIẾN TRÚC CQĐT YÊN BÁI 3.0



1. Lớp Người sử dụng

1.1. Người dân: Là những cá nhân sử dụng các dịch vụ trong Kiến trúc CQĐT Yên Bái phiên bản 3.0.

1.2. Tổ chức, doanh nghiệp: Là những tổ chức có nhu cầu sử dụng các dịch vụ Kiến trúc CQĐT Yên Bái phiên bản 3.0.

1.3. Cán bộ, công chức, viên chức: Là những cá nhân sử dụng các ứng dụng của tỉnh để thực hiện công vụ.

1.4. Du khách: Là những cá nhân ngoài tỉnh sử dụng các dịch vụ trong Kiến trúc CQĐT Yên Bái phiên bản 3.0.

2. Lớp giao tiếp:

2.1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: Là công cụ công khai, minh bạch trong quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công của nhà nước đáp ứng các chức năng theo Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.2. Cổng thông tin điện tử của tỉnh Yên Bái: Là đầu mối cung cấp và trao đổi thông tin của UBND tỉnh Yên Bái và các cơ quan nhà nước trong tỉnh trên môi trường mạng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. Về kỹ thuật phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.3. Ứng dụng công dân số quốc gia (VN eID): Là ứng dụng trên thiết bị sử dụng thay thế những giấy tờ truyền thống, định danh công dân trên nền tảng kỹ thuật số và cung cấp một số tiện ích về chính phủ số, xã hội số, phát triển công dân số.

2.4. Kiosk tra cứu thông tin: Là công cụ tra cứu thông tin hành chính công ứng dụng tiên tiến trong công nghệ số giúp cung cấp thông tin và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

2.5. Thư điện tử công vụ: Là các công cụ gửi, nhận thư thông tin điện tử do cơ quan nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ.

2.6. Ứng dụng Công dân số (Yên Bái-S): Là ứng dụng đa tiện ích trên thiết bị thông minh, người dân chỉ cài đặt 01 app có thể sử dụng được nhiều tiện ích của thông minh, đồng thời tương tác trực tiếp với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái thông qua kênh phản ánh, góp ý. Yêu cầu kỹ thuật phải tích hợp được tất cả các tiện ích để người dân sử dụng.

2.7. Ứng dụng Công chức số (Bàn làm việc số hoặc Yên Bái-G): Là ứng dụng duy nhất trên web và app để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các ứng dụng thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu kỹ thuật: phải tích hợp được tất cả các tiện ích để cán bộ, công chức, viên chức sử dụng.

2.8. Mạng xã hội: Các cơ quan nhà nước sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo...) cho phép cung cấp thêm kênh thông tin trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật để tương tác với công dân.

2.9. Tổng đài hỗ trợ: Là kênh thông tin tiếp nhận, trả lời các yêu cầu của tổ chức, cá nhân về các nội dung liên quan đến dịch vụ số.

2.9 Tin nhắn SMS: Là kênh thông tin để cơ quan nhà nước cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân phục vụ công việc.

3. Lớp nghiệp vụ:

Bao gồm nghiệp vụ về Thủ tục hành chính; Các nghiệp vụ chuyên ngành; Các nghiệp vụ quản lý chung của các CQNN.

4. Lớp ứng dụng

4.1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: Là công cụ công khai, minh bạch trong quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công của nhà nước, bao gồm: Hệ thống phần mềm một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trên app và trên web.

4.2. Ứng dụng dùng chung: Là nền tảng dùng cho nhiều người, nhiều ngành, nhiều địa phương trong tỉnh sử dụng

4.3. Ứng dụng xử lý nghiệp vụ chuyên ngành: Là nền tảng, phần mềm ứng dụng sử dụng trong 01 ngành hoặc 01 đơn vị.

4.4. Ứng dụng tổng hợp phân tích, khai phá dữ liệu: Là ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu.

5. Lớp dữ liệu

5.1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Gồm các dữ liệu sinh ra từ các hoạt động nghiệp vụ của các sở, ban, ngành được tổng hợp, làm sạch, sắp xếp đưa vào kho dữ liệu tổng hợp để chia sẻ, khai thác và sử dụng theo quy định. Về kỹ thuật phải

tuân thủ kiến trúc dữ liệu theo quy định của các bộ, ngành và văn bản số 1016/BTTTT-CĐSQG ngày 22/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật kết nối, chia sẻ dữ liệu.

5.2. Cơ sở dữ liệu tổng hợp: Gồm các dữ liệu sinh ra từ nhiều sở, ngành, địa phương được tổng hợp, làm sạch, sắp xếp đưa vào kho dữ liệu tổng hợp để chia sẻ, khai thác và sử dụng theo quy định. Về kỹ thuật phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ và văn bản số 1016/BTTTT-CĐSQG ngày 22/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5.3. Cơ sở dữ liệu mở: Là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tự do khai thác, sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Về yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ.

5.4. Phân hệ cơ sở dữ liệu quốc gia: Là phân hệ Cơ sở dữ liệu được đồng bộ và được xác thực từ cơ sở dữ liệu quốc gia gồm dữ liệu về đất đai; doanh nghiệp; bảo hiểm; cán bộ, công chức, viên chức; thủ tục hành chính. Về kỹ thuật phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ.

5.5. Kho dữ liệu tổng hợp: Là một hệ thống tổng hợp tất cả dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào một Kho dữ liệu nhất quán để tổng hợp, làm sạch, sắp xếp, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương trong tỉnh.

5.6. Kho dữ liệu chuyên ngành: Là hệ thống tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào một kho dữ liệu để tổng hợp, làm sạch, sắp xếp, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của một ngành và chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Về kỹ thuật phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ và tuân thủ các quy định về kiến trúc dữ liệu của các bộ, ngành liên quan.

6. Lớp Kỹ thuật - công nghệ

6.1. Hạ tầng IoT (Internet of Things): Là hạ tầng Internet vạn vật được kết nối với internet, thu thập và chia sẻ dữ liệu đưa về Kho dữ liệu tổng hợp để phân tích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan (*Hệ thống Camera, các trạm quan trắc, đèn chiếu sáng thông minh ...*).

6.2. Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh: Là công trình hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và viễn thông được UBND tỉnh đầu tư xây dựng tuân thủ theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành. Có khả năng lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu lớn, hệ thống bảo mật an toàn, hệ thống phụ trợ, mạng truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, Chính quyền và Đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

6.3. Mạng Truyền số liệu chuyên dùng: Là mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

6.4. Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Yên Bái: Là một hệ thống công cụ phần cứng, phần mềm được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và tại các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh có kết nối tới Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia tạo thành hệ thống đồng bộ, thống nhất đảm bảo an toàn thông tin của tỉnh phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Yên Bái.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG TÂM VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KIẾN TRÚC CQĐT YÊN BÁI PHIÊN BẢN 3.0

1. Nhóm nhiệm vụ về cơ chế, chính sách (05 nhiệm vụ).
2. Nhóm nhiệm vụ phát triển hạ tầng kỹ thuật (05 nhiệm vụ).
3. Nhóm nhiệm vụ về xây dựng phát triển các nền tảng, ứng dụng (14 nhiệm vụ).
4. Nhóm nhiệm vụ về xây dựng phát triển CSDL (31 nhiệm vụ).
5. Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin (16 nhiệm vụ).
6. Các nhiệm vụ khác phát sinh trong quá trình thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0.

(Có phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1.1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức công bố công khai và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0 đến các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng, ban hành các văn bản quy định, văn bản hướng dẫn, các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ thực hiện Kiến trúc CQĐT của tỉnh Yên Bái 3.0.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0 sau khi được phê duyệt.

- Thực hiện thẩm định các dự án, chương trình công nghệ thông tin đảm bảo phù hợp với Kiến trúc.

- Thực hiện cập nhật và duy trì Kiến trúc theo quy định.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan lựa chọn dự án quan trọng, ưu tiên đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện.

Phối hợp với Sở Tài chính hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, trên cơ sở đề xuất thực hiện các dự án thuộc Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0 của các cơ quan, đơn vị

để chủ trì thẩm định nội dung, nhiệm vụ, dự án; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định, đảm bảo tiến độ đề ra.

1.3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kiến trúc theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kiến trúc.

1.4. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các nội dung của Kiến trúc CQĐT tỉnh Yên Bái 3.0.

- Xin ý kiến, thẩm định về các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo tuân thủ đầy đủ Kiến trúc.

- Định kỳ báo cáo việc triển khai các chương trình, dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để kịp thời cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh./.

Phụ lục: Danh sách một số nhiệm vụ trọng tâm và lộ trình triển khai

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	NHIỆM VỤ VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH (05 nhiệm vụ)				
1	Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các quy định, Quy chế khai thác và sử dụng dữ liệu trên toàn tỉnh	Đảm bảo việc quản lý, truy cập, chia sẻ, và sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước và các tổ chức được thực hiện một cách hiệu quả, an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật. Quy chế có vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa việc quản lý và sử dụng dữ liệu tại các cơ quan nhà nước, bảo đảm tính an toàn, hiệu quả và minh bạch trong mọi hoạt động khai thác dữ liệu, hướng tới xây dựng Chính phủ số và Chính quyền điện tử một cách bền vững.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND	2025
2	Tham mưu ban hành và triển khai hệ thống các văn bản để cụ thể hóa tổ chức thực hiện các định hướng, chiến lược, kế hoạch về CDS của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương	Các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện CDS	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025
3	Tiếp tục tham mưu triển khai Kế hoạch thực hiện chiến lược dữ liệu đã xây dựng	Triển khai Kế hoạch nhằm khai phá tiềm năng của dữ liệu để phục vụ tốt hơn cho hoạt động của các cơ quan chính quyền, cung cấp dịch vụ thân thiện và hiệu quả hơn cho người dân, tăng năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, hướng đến phát triển kinh tế số một cách toàn diện và bền vững.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2030
4	Tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế chuyển đổi số, tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách chuyển đổi số hiện tỉnh chưa có để góp phần thúc	Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	đẩy tiến trình chuyển đổi số trên các mặt trụ cột và góp phần nâng cao thứ hạng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị			
5	Xây dựng quy chế quản lý các nền tảng ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành	Chế độ quản lý nền tảng ứng dụng đóng vai trò quan trọng trong công việc nâng cao năng lực quản lý, cung cấp chuyển đổi số, bảo vệ dữ liệu và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện một cách hiệu quả, an toàn và minh bạch	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025
II	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT (05 nhiệm vụ)				
1	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (DC)	Đầu tư bổ sung Hệ thống SAN, thiết bị mạng, thiết bị sao lưu dự phòng để tăng dung lượng cho Hệ thống máy chủ. Hiện tại dung lượng khả dụng 250TB. Phát triển hạ tầng điện toán đám mây riêng cho tỉnh để hỗ trợ các ứng dụng nội bộ của cơ quan nhà nước, tối ưu hóa việc quản lý tài nguyên công nghệ thông tin và đảm bảo khả năng mở rộng linh hoạt khi cần. Bảo đảm hiệu năng của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh để lưu trữ kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2027
2	Rà soát, Đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị chuyên dụng phục vụ hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan hành chính thuộc tỉnh	Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT (máy tính, thiết bị mạng, LAN,...) lắp đặt, cài đặt.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
3	Xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng	Đề nghị Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp Hạ tầng cloud để sử dụng và backup dữ liệu với Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2027-2030
4	Xây dựng Kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh (CSDL lớn của tỉnh)	Là một hệ thống tổng hợp tất cả dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào một Kho dữ liệu nhất quán để tổng hợp, làm sạch, sắp xếp, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương trong tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2030
5	Triển khai Ipv6 trên địa bàn toàn tỉnh	- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi; - Nâng cấp phần cứng, phần mềm, thiết bị chưa tương thích; - Cài đặt, cấu hình IP v6.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2027
III	PHÁT TRIỂN CÁC NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG DÙNG CHUNG (13 nhiệm vụ)				
1	Nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh(LGSP)	- Xây dựng, nâng cấp API kết nối với NDXP và các HTTT, CSDL của các bộ (thông qua NDXP theo các kết nối đã sẵn sàng). - Mua sắm phần cứng (hoặc nâng cấp cấu hình đối với thuê dịch vụ) để bảo đảm hiệu năng và an toàn bảo mật.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2026
2	Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh Yên Bái	Rà soát nâng cấp để đáp ứng Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	2025
3	Xây dựng Ứng dụng dùng cho cán bộ, công chức (Bàn làm việc số hoặc gọi là YenBai-G)	Nền tảng "Bàn làm việc số" tích hợp hệ thống đăng nhập một lần (SSO), cho phép người dùng chỉ cần đăng nhập một lần để truy cập tất cả các ứng dụng cần thiết như thư điện tử, quản lý văn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		bản và điều hành, dịch vụ công trực tuyến. Giúp giảm bớt phiền toái của việc nhớ nhiều tài khoản đăng nhập và mật khẩu, từ đó tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu suất công việc			
4	Xây dựng nền tảng họp không giấy tờ	Hệ thống được xây dựng nhằm hướng tới mục tiêu phòng họp không giấy tờ, cho phép lấy ý kiến, tổ chức và chuẩn bị cho các cuộc họp, điều hành diễn biến cuộc họp một cách tường minh, khoa học. Hệ thống tích hợp với mô hình phòng họp thông minh giúp mang lại nhiều tiện ích thông qua việc điều khiển, vận hành và quản lý phòng họp trở nên dễ dàng, nhanh chóng, thuận tiện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025
5	Nâng cấp, phát triển Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai bằng hình thức thuê dịch vụ CNTT bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống liên tục, đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng. - Kết nối hệ thống Công dịch vụ hành chính công tỉnh. - Kết nối với LGSP/NDXP để khai thác, chia sẻ dữ liệu. - Kết nối hệ thống giám sát CPĐT - Đáp ứng yêu cầu về mã định danh điện tử theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg. 	Văn phòng UBND	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	2026
6	Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phát Triển hệ thống. - kết nối với LGSP để lấy dữ liệu từ các hệ thống khác, phục vụ cung cấp dữ liệu trên Cổng 	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025
7	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Yên Bái	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh và cung cấp số liệu theo yêu cầu của lãnh đạo cơ quan, người có thẩm quyền	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
8	Duy trì ứng dụng Công dân số (Yên Bái - S)	Duy trì kênh tương tác với CQNN, phục vụ công dân và doanh nghiệp hiệu quả	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2030
9	Triển khai trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức	Trợ lý ảo là một công cụ sử dụng AI để giao tiếp, tư vấn và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành liên quan	2025-2026
10	Triển khai trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Trợ lý ảo là một công cụ sử dụng AI để giao tiếp, tư vấn và hỗ trợ con người thông qua các thiết bị công nghệ hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2026
11	Triển khai Nền tảng phân tích và xử lý dữ liệu (IOC)	Trên cơ sở kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh hệ thống thực hiện phân tích, đưa ra những cảnh báo, dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030
12	Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Yên Bái (công dịch vụ công)	Triển khai hệ thống công dịch vụ công của tỉnh; Kho lưu trữ điện tử của tổ chức, cá nhân; Ứng dụng (app) Công dịch vụ công của tỉnh trên nền tảng thiết bị thông minh, hệ thống đánh giá hài lòng của của người dân trên cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	Văn phòng UBND	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
13	Triển khai nền tảng bản đồ số dùng chung cấp tỉnh	Nền tảng bản đồ dùng chung; Xây dựng các lớp dữ liệu bản đồ dùng chung như địa chính, hành chính, địa chỉ số, ...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2030
IV	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH (31 nhiệm vụ)				
1	Xây dựng hệ thống công du lịch và ứng dụng du lịch tỉnh Yên Bái	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, hướng dẫn viên du lịch, các thông tin du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ngành có liên quan	2026-2030
2	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Văn hóa thể thao và du lịch	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành ngành VHTT&DL; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ngành có liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện			
3	Xây dựng ứng dụng Quản lý đầu tư, chương trình, dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý các thông tin chung về dự án; - Xử lý các yêu cầu về thẩm định dự án; - Quản lý công tác đấu thầu dự án; - Thông tin thanh tra, giám sát, kiểm toán dự án; - Lập kế hoạch liên quan đến dự án; - Báo cáo thống kê, tích hợp với các hệ thống khác... 	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
4	Triển khai ứng dụng nghiệp vụ ngành Kế hoạch và đầu tư	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
5	Xây dựng Cổng thông tin xúc tiến đầu tư tỉnh Yên Bái	Cung cấp thông tin đầy đủ, thống nhất, tập trung, cung cấp các thông tin cần thiết cho nhà đầu tư tìm hiểu, tìm cơ hội đầu tư vào các dự án ưu tiên, thu hút đầu tư, góp phần quan trọng, tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị liên quan	2025-2030
6	Xây dựng dịch vụ thông minh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại	Xây dựng Kho dữ liệu ngành công thương tích hợp các ứng dụng, dịch vụ phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp các thông tin, dữ liệu mở.	Sở Công thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030
7	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Công Thương	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Công thương; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Công thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
8	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn tỉnh Yên Bái	Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ thống này được dùng chung cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2030
9	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Thông tin và Truyền thông	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn tỉnh đủ điều kiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030
10	Xây dựng ứng dụng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra tỉnh Yên Bái	Hệ thống phần mềm hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra một cách hiệu quả. Phần mềm này cung cấp các tính năng như lập kế hoạch, quản lý thông tin hồ sơ, theo dõi tiến độ và kết quả thanh tra, kiểm tra. Đồng thời, nền tảng còn hỗ trợ báo cáo, thống kê, lưu trữ dữ liệu, giúp tăng cường tính minh bạch, giảm trùng lặp và tối ưu hóa quy trình thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh Yên Bái.	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030
11	Xây dựng ứng dụng quản lý tài sản	Cho phép quản lý tập trung thông tin về các tài sản công tại các cơ quan, đơn vị toàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
12	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Tài chính	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Tài chính; hỗ trợ tổ chức, giám sát và điều hành các hoạt động liên quan đến tài chính, bao gồm quản lý ngân sách, theo dõi chi tiêu, lập báo cáo tài chính, và quản lý doanh thu. Ứng dụng này	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		được thiết kế để tự động hóa quy trình, giảm sai sót, nâng cao hiệu quả làm việc và đảm bảo tính minh bạch.			
13	Xây dựng phần mềm quản lý giáo dục	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục và đào tạo; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan	2026-2030
14	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Giáo dục và Đào tạo	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục và đào tạo; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Giáo dục và đào tạo	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
15	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Giao thông vận tải	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Giao thông vận tải; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Giao thông vận tải	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
16	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Khoa học và Công nghệ	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Khoa học và Công nghệ; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
17	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Lao động Thương binh và xã hội	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành LĐTB&XH; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện			
18	Xây dựng ứng dụng Quản lý Sản xuất Nông nghiệp	Giúp theo dõi, quản lý các hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm thông tin về cây trồng, vật nuôi, dịch bệnh và sản lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các đơn vị liên quan	2026-2030
19	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
20	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Tài nguyên và Môi trường	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
21	Xây dựng ứng dụng Quản lý Quy hoạch Xây dựng	Quản lý thông tin về quy hoạch đô thị, nông thôn, cấp phép xây dựng và theo dõi tiến độ các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
22	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Xây dựng	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
23	Xây dựng hệ thống quản lý bệnh viện và hồ sơ sức khỏe điện tử	Quản lý thông tin bệnh nhân, hồ sơ sức khỏe và hoạt động khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong tỉnh	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2030
24	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Y tế	Phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành Y tế; hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		quản lý nhà nước của ngành; giúp thực hiện đẩy mạnh triển khai đồng loạt các DVCTT toàn trình đủ điều kiện			
25	Xây dựng hệ thống Chứng thực điện tử bản sao từ bản chính	Phần mềm cho phép người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính qua mạng. Hệ thống này cung cấp các tiện ích như tải lên tài liệu gốc, nhận kết quả chứng thực điện tử, và thanh toán trực tuyến. Qua đó, giúp tiết kiệm thời gian, giảm tải công việc tại cơ quan chứng thực và tăng cường tính chính xác, minh bạch trong việc chứng thực.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
26	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Tư pháp	Ứng dụng phục vụ ngành tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát và điều hành hoạt động nghiệp vụ theo quy định pháp luật. Đồng thời giúp cải thiện hiệu quả công việc, tăng cường tính minh bạch, hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025-2030
27	Xây dựng hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Quản lý và khai thác dữ liệu hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức từ cấp xã đến cấp tỉnh, hỗ trợ công tác nhân sự	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2030
28	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ ngành Nội vụ	Ứng dụng nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; nhằm xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, đồng bộ và hiệu quả, hỗ trợ đặc lực cho công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính; đồng thời hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
29	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ lĩnh vực Dân tộc	Ứng dụng nghiệp vụ lĩnh vực Dân tộc giúp hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực	Ban Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		quản lý nhà nước của ngành. Đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc, đảm bảo sự minh bạch, chính xác, và đáp ứng thời gian trong việc thực hiện các chính sách dân tộc			
30	Xây dựng ứng dụng nghiệp vụ quản lý các khu công nghiệp	Ứng dụng nghiệp vụ quản lý các khu công nghiệp giúp quản lý và điều hành các khu công nghiệp, Đảm bảo sự minh bạch, đồng bộ trong quá trình xử lý thông tin, góp phần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế. đồng thời hỗ trợ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành liên quan các DVCTT trên môi trường mạng thuộc lĩnh vực quản lý.	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
31	Nghiên cứu xây dựng triển khai nền tảng Quản lý Lưu trú tại nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn, nhà khách, nhà công vụ, nhà cho thuê	Quản lý lưu trú cho các đối tượng nghỉ, trọ, nhà công vụ, nhà khách, nhà cho thuê	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
V	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ DỮ LIỆU (16 nhiệm vụ)				
1	Triển khai Kho dữ liệu ngành y tế	Tích hợp các dữ liệu liên quan đến y tế phục vụ quản lý, theo dõi, phân tích, và cung cấp dịch vụ y tế cho người dân. Một số dữ liệu cơ bản như: Dữ liệu bệnh nhân; Dữ liệu cơ sở y tế; Dữ liệu nhân sự ngành y tế; Dữ liệu thuốc và vật tư y tế; Dữ liệu bệnh tật và dịch bệnh; Dữ liệu bảo hiểm y tế...	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025-2030
2	Triển khai Kho dữ liệu ngành Giáo dục và đào tạo	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý giáo dục và đào tạo như: Công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo và thanh tra, kiểm tra trong ngành giáo dục dựa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		trên nền tảng dữ liệu lớn và công nghệ số. Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số			
3	Triển khai Kho dữ liệu an sinh xã hội	Thu thập, phân tích, tổng hợp các dữ liệu về an sinh xã hội : Bảo trợ giúp xã hội; người khuyết tật; người cao tuổi; người làm công tác xã hội; liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo; trẻ em; cai nghiện; đào tạo nghề; việc làm và các lĩnh vực khác có liên quan đến an sinh xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp, cung cấp dịch vụ công về cấp Phiếu lý lịch tư pháp; đáp ứng yêu cầu cần chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản; ghi nhận việc xóa án tích, tạo điều kiện cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và thống kê tư pháp hình sự; hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. CSDL được sử dụng thống nhất tại Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc, thí điểm với dân tộc Mông	Nhằm hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu về tiếng nói, chữ viết của người dân tộc, người dân tộc được thuận lợi, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội giữa các vùng dân tộc thiểu số với các địa bàn trong tỉnh, đặc biệt là khoảng cách về giao tiếp giữa đồng bào các dân tộc; thúc đẩy phát	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		triển kinh tế, xã hội; gìn giữ và giới thiệu bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của người đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ số vào phục vụ các lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là góp phần bảo tồn, lưu giữ ngôn ngữ tiếng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Yên Bái.			
6	Xây dựng CSDL về Đất đai	Là một trong những thành phần quan trọng trong quản lý tài nguyên và môi trường tại các địa phương, bao gồm các thông tin chi tiết về đất đai, ranh giới, quy hoạch và các tài sản liên quan. Phân hệ này giúp chính quyền địa phương thực hiện quản lý đất đai hiệu quả, minh bạch, hỗ trợ ra quyết định và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025-2030
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng	Thực hiện quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu thông tin quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải công bố công khai theo quy định trong toàn quốc. Phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thực hiện quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị từ trung ương đến địa phương. Phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu Xúc tiến thương mại	Quản lý thông tin, liên hệ của các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức, phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại như: Tổ chức Hội nghị, Hội thảo, đào tạo, tập huấn, kết nối giao thương, tổ chức Hội chợ triển lãm...)	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu Bảo vệ người tiêu dùng	Cơ sở dữ liệu Bảo vệ người tiêu dùng chứa đựng các thông tin, dữ liệu về: (i) cơ quan, tổ chức và đầu mối của các cơ quan, tổ chức tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên toàn quốc; (ii) cuộc gọi đến và đi, nội dung tư vấn, hỗ trợ cho người tiêu dùng thông qua hệ thống Tổng đài Tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng 1800.6838; (iii) đơn, thư, nội dung yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng; (iii) quá trình và kết quả tiếp nhận, xử lý đơn, thư, yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng bởi cơ quan, tổ chức tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, doanh nghiệp có kết nối tới hệ thống CSDL Bảo vệ người tiêu dùng; (iv) cẩm nang, sổ tay và các tài liệu, ấn phẩm về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các pháp luật khác có liên quan, hướng dẫn giải quyết tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng.	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông	Nội dung mô tả theo hướng dẫn cụ thể của Bộ GTVT	Sở GTVT	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu Di sản văn hóa, du lịch	Quản lý dữ liệu về quản lý các di sản văn hóa, du lịch của tỉnh Thông tin về di tích, hiện vật, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương và các thông tin về du lịch.	Sở VH, TT&DL	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
13	Xây dựng cơ sở dữ liệu Khu, Cụm Công nghiệp, Cụm liên kết ngành	Cung cấp thông tin về các cụm công nghiệp, các cụm liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp, với thông tin cơ bản thể hiện quy mô, năng lực, tính liên kết, công nghệ, tiêu chuẩn, và khách hàng. Tạo kênh thông tin kết nối giao thương trực tiếp,	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030

TT	Danh sách nhiệm vụ	Mô tả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		minh bạch giữa các khu cụm công nghiệp, các cụm liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp, tạo kênh kết nối để phục vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và đầu tư tại Việt Nam.			
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Thông tin và các cơ quan báo chí, cơ sở in, nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm, đơn vị đăng ký sử dụng máy photocopy màu, trang thông tin điện tử,	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu Bưu chính Viễn thông, CNTT	Quản lý hoạt động Bưu chính - Viễn thông trên địa bàn tỉnh Thông tin về doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, truyền hình trả tiền	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
16	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác đáp ứng đầy đủ các yêu cầu các trường dữ liệu quốc gia do các bộ, ngành quy định.		Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan		2026-2030